TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 8 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà.

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Minh T, sinh năm 2002; nơi cư trú: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Bị đơn: Anh Đoàn Minh R, sinh năm 1999; nơi cư trú: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Minh T trình bày: Vào năm 2019, giữa nguyên đơn với bị đơn là anh Đoàn Minh R được hai bên gia đình tổ chức đám

cưới, đến ngày 24/02/2021 anh chị mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Do đó, chị Bùi Thị Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn; chị T và anh R có một con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh ngày 28/8/2020 hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng mà không yêu cầu anh R cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 20/5/2024, bị đơn anh Đoàn Minh R trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh R với chị T là có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng chị T không đồng ý, do đó anh R không đồng ý ly hôn vì còn thương chị T; trường hợp Toà án cho ly hôn thì anh R yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Về hôn nhân, có đăng ký kết hôn; chị T và anh R có một con tên Đoàn Minh Đ, hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng, không ai có yêu cầu cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có.

Vấn đề đương sự không thống nhất: Về ly hôn và nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị Minh T với anh Đoàn Minh R được ly hôn; về con chung: tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng, anh R chưa phải cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; án phí chị T phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Minh R, do anh R có nơi cư trú tại ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Do chị T với anh R có đăng ký kết hôn và tranh chấp về con chung, nên tranh chấp giữa anh chị thuộc trường hợp: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn anh Đoàn Minh R, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2021, giữa chị Bùi Thị Minh T với anh Đoàn Minh R xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 24/02/2021, chị T với anh R, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; thời điểm đăng ký kết hôn thì anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 10/2023, thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên hoà giải, Toà án đã tiến hành hoà giải; theo biên bản xác minh ngày 20/4/2024 thì nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa phương không biết; thời gian ly thân đã lâu, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm sóc và nuôi dưỡng con chung; xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị T với anh R có một con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh ngày 28/8/2020, hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng; xét thấy cháu Đ do chị T nuôi dưỡng từ khi chị T với anh R ly thân cho đến nay (tháng 7/2023), để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Đ, Toà án tiếp tục giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng; đây là quyền tự định đoạt của đương sự; do đó, anh R chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, chị T có quyền yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Quá trình thu thập chứng cứ chị T và anh R đều khẳng định nợ chung và tài sản chung không có; tại phiên tòa chị T khẳng định về nợ chung và tài sản chung không có, nên không đề cập đến.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: do chị T là nguyên đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị T phải chịu án phí sơ thẩm. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Bùi Thị Minh T với anh Đoàn Minh R được ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị Bùi Thị Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đoàn Minh Đ, sinh ngày 28/8/2020. Anh Đoàn Minh R chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về nợ chung và tài sản chung*: Không có, nên không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Bùi Thị Minh T phải chịu số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008613 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí sơ thẩm, chị T đã nộp xong, không phải nộp thêm.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Đông, h.Vị Thủy (nơi Đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hùng